

Ngày soạn: 10/4/2026

Lớp dạy 11/6,7,8,9

Tiết : 43, 44, 45, 46, 47

BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG (t1)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử
- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông
- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình
- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam

2. Về năng lực

* Năng lực chung:

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

* Năng lực riêng:

- Rèn luyện kĩ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử: trình bày, giải thích, phân tích,... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới - Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Những tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

- a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV khởi động bằng 1 số câu hỏi trắc nghiệm thông qua việc cho hs xem 1 đoạn video

1. Hòn đảo nào được mệnh danh là “Đảo tôm hùm” ở Việt Nam?

A. Bình Ba. B. Cát Bà. C. Phú Quốc D. Phú Quý

2. Đảo nào lớn nhất Việt Nam?

A. Bạch Long Vĩ B. Phú Quốc C. Thổ Chu D. Lý Sơn

3. Đảo Phú Quý thuộc địa phận tỉnh thành nào của nước ta?

A. Bình Thuận B. Khánh Hòa C. Ninh Thuận D. Kiên Giang

4. Quần đảo Thổ Chu thuộc tỉnh nào?

A. Tiền Giang B. Long An C. Kiên Giang D. Hậu Giang

5. Vịnh Hạ Long thuộc quản lý của tỉnh, thành phố nào của nước ta?

A. Bắc Ninh B. Quảng Ninh C. Hải Phòng D. Thái Bình

6. Hãy điền từ còn thiếu vào câu khẩu hiệu của lực lượng hải quân Việt Nam:

“Đảo là nhà, là quê hương”

A. Mẹ B. Sóng biển C. Biển D. Biển cả

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6
Đáp án	A	B	A	C	B	D

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

Hàng năm, nhân dân huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi tổ chức Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa nhằm tri ân, tưởng niệm những người lính của Đội Hoàng Sa kiêm quản Bắc Hải (được thành lập từ thế kỉ XVII) đã có công khai mở, cắm mốc chủ quyền và bảo vệ biển đảo. Ngoài ý nghĩa tri ân, nghi lễ này còn phản ánh lịch sử bảo vệ chủ quyền biển đảo của Việt Nam, đặc biệt là chủ quyền đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

Vịnh Biển Đông có tầm quan trọng chiến lược như thế nào đối với Việt Nam? Quá trình xác lập chủ quyền, quản lí liên tục và cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa diễn ra như thế nào? Chủ trương của Việt Nam trong việc giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông là gì?? Chúng ta sẽ cùng tìm hiểu trong bài học hôm nay.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

1. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam

a. Mục tiêu: - Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1: Về quốc phòng, an ninh

GV yêu cầu HS thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi

? Em hãy cho biết tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng và an ninh ?

Nhiệm vụ 2: Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi theo bảng sau

? Em hãy nêu những thuận lợi và sự phát triển của các ngành kinh tế biển trọng điểm

Ngành kinh tế	Thuận lợi
Thương mại biển	
Khai thác khoáng sản	
Khai thác tài nguyên sinh vật biển	
Du lịch	

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin

Nhiệm vụ 1

Đảo Cồn Cỏ (Quảng Trị) vọng gác tiền tiêu của Việt Nam

Đảo Cồn Cỏ có vị trí đặc biệt: nằm vắt ngang vĩ tuyến 17, là điểm phân chia vịnh Bắc Bộ, là cửa ngõ phía nam của vịnh Bắc Bộ, là tiền đồn bảo vệ chủ quyền lãnh thổ quốc gia. Sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), Trung đội pháo 127 li thuộc Trung đoàn 270 của Quân đội Nhân dân Việt Nam do Thiếu úy Dương Đức Thiện chỉ huy vượt sóng gió trùng dương ra đảo; đúng 11 giờ ngày 8 – 8 – 1959, lá cờ đỏ sao vàng được cắm lên đảo, một lần nữa khẳng định chủ quyền bất khả xâm phạm của Tổ quốc Việt Nam. Từ vị trí địa lý đó, trong chiến lược bảo vệ Tổ quốc, Cồn Cỏ có vị trí quan trọng về quân sự, là “vọng gác tiền tiêu của Tổ quốc, là “con mắt thần” án ngữ Biển Đông, canh giới miền Bắc xã hội chủ nghĩa trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, là điểm chốt phía nam vịnh Bắc Bộ.

Giới chuyên gia quân sự đã thừa nhận vị trí của Cam Ranh có tầm ảnh hưởng to lớn tới bản đồ địa – chiến lược toàn cầu, cho dù họ có đứng ở các chân trời quan điểm nào đi chăng nữa. Năm 1888, Hải hạm của Nga mang tên “Tráng sĩ” trong chuyến đi vòng quanh thế giới đã cập cảng Cam Ranh, sau đó, nơi đây đã trở thành quân cảng của các nước lớn thay nhau đồn trú trong vòng gần 100 năm trở lại đây.

Nhiệm vụ 2



B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm dự kiến

Ngành kinh tế	Thuận lợi
Giao thông hàng hải	- Hệ thống các cảng biển được xây dựng dọc bờ Biển Đông là điều kiện thuận lợi cho Việt Nam phát triển thương mại hàng hải.

	- Có những cảng lớn giữ vai trò đầu mối vận chuyển hàng hoá trong nước và quốc tế như cảng Hải Phòng, cảng Đà Nẵng, cảng Sài Gòn,...
Khai thác khoáng sản	- Dầu khí ở thềm lục địa Việt Nam có trữ lượng lớn với các bể trầm tích như Cửu Long, Nam Côn Sơn, ... - Vùng biển Việt Nam còn chứa đựng tiềm năng lớn về quặng sa khoáng như titan, thiếc, vàng, sắt, thạch cao, cát đen, ... là những nguồn tài nguyên quý giá.
Khai thác tài nguyên sinh vật biển	Biển Đông là vùng biển đa dạng về sinh học, riêng trữ lượng cá biển trên các vùng biển của Việt Nam ước tính khoảng 3 – 4 triệu tấn/năm, khả năng khai thác 1,4 – 1,6 triệu tấn/năm.
Du lịch	Cảnh quan ở Biển Đông đa dạng với nhiều vũng, vịnh, bãi cát trắng, hang động, ... Các bán đảo và đảo lớn nhỏ liên kết với nhau tạo thành quần thể du lịch như vịnh Hạ Long, bãi biển Non Nước, đảo Phú Quốc phù hợp để phát triển đa dạng nhiều loại hình du lịch.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

1. Tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam

a. Về quốc phòng, an ninh

Biển Đông là tuyến phòng thủ quan trọng bậc nhất ở phía đông với hệ thống các đảo và quần đảo trên biển như “tám lá chắn” bảo vệ cả vùng trời, vùng biển và đất liền của đất nước.

b. Về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm

Là vùng biển có vị trí chiến lược quan trọng, tài nguyên phong phú, Biển Đông góp phần quan trọng vào việc phát triển các ngành kinh tế trọng điểm của Việt Nam như giao thông hàng hải, công nghiệp khai khoáng, khai thác tài nguyên sinh vật biển, nuôi trồng thủy sản, du lịch, ...

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “Thu hoạch cà rốt”, mỗi câu trả lời đúng sẽ mang về điểm coojgn cho nhóm

1. **Bờ biển nước ta nằm ở phía nào của Biển Đông?**

A. Phía Tây của Biển Đông

B. Phía Đông của Biển Đông

C. Phía Bắc của Biển Đông

D. Phía Nam của Biển Đông

2: Một trong những bãi biển nổi tiếng của nước ta ở miền Trung, là địa điểm thu hút khách du lịch trong và ngoài nước là

- A. Hạ Long **B. Đà Nẵng** C. Phú Quốc D. Cát Bà
3. Cảnh quan ở Biển Đông đa dạng với nhiều bãi cát, vịnh, hang động, tạo điều kiện cho Việt Nam phát triển ngành kinh tế mũi nhọn nào sau đây?
A. Khai khoáng. **B. Du lịch.** C. Thương mại. D. Hàng hải .
4. Một trong những nguồn tài nguyên quan trọng nhất ở thềm lục địa Việt Nam ở Biển Đông là
A. dầu khí. B. gỗ lim. C. cánh kiến. D. đồi mồi.
5. Quốc gia đầu tiên khai phá, xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa là
A. Việt Nam. B. Trung Quốc C. Thái Lan. D. Campuchia.
6. Việt Nam có bao nhiêu đảo lớn nhỏ?
A. 1000 B. 2000 C. 3000 **D. 4000**
7. Đảo vừa có diện tích lớn nhất và vừa có giá trị về du lịch, về an ninh - quốc phòng là đảo nào?
A. **Đảo Phú Quốc** B. Đảo Phú Quý C. Đảo Lý Sơn D. Song Tử Tây

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

Câu hỏi	1	2	3	4
Đáp án	A	B	D	A

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Việt Nam là một trong những nước có lợi thế về biển. Theo em, chúng ta phải làm những gì để khai thác tối đa tiềm năng và các lợi thế của vùng biển và ven biển

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho tiết học sau.

Ngày soạn: 10/4/2026

BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG (t2)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử
- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển đông
- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình
- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam

2. Về năng lực

* Năng lực chung:

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

* Năng lực riêng:

- Rèn luyện kĩ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử: trình bày, giải thích, phân tích,... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới - Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Những tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

- a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho hs nghe 1 bài hát và yêu cầu HS đoán tên bài hát

A. Gàn lắ Trường Sa

B. Nơi đảo xa

C. Sức sống Trường Sa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B. Nơi đảo xa

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

a. Mục tiêu: - Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1: Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi

? Trình bày nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

Giai đoạn	Nội dung chính
Trước thế kỉ XIX	Nhóm 1
Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1954	Nhóm 2
Từ năm 1954 đến năm 1975	Nhóm 3

Từ năm 1975 đến nay	Nhóm 4
---------------------	--------

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin

Trước thế kỉ XIX

Nhiều lập bản đồ của các triều đại quân chủ Việt Nam như: Toàn lập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư (1686), Giáp Ngọ niên bình Nam đồ (1774), Đại Nam nhất thống toàn đồ (1838),... và của người phương Tây như: Bộ Át lát thế giới (1827), An Nam đại quốc họa đồ (1838),... đã thể hiện quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa thuộc lãnh thổ Việt Nam.

Đại Nam nhất thống toàn đồ là bản đồ Việt Nam dưới thời Nguyễn, được vẽ vào khoảng năm 1838, ghi rõ “Hoàng Sa”, “Vạn Lý Trường Sa” thuộc lãnh thổ Việt Nam, phía ngoài các đảo ven bờ miền Trung Việt Nam thuộc lãnh thổ Việt Nam. Trong bài “Địa lí Vương quốc Cô-chin-chi-na” (Tạp chí Hội Địa lí Hoàng gia Luân Đôn, Tập 19, 1849, tr.93) của Gút-láp, có đoạn ghi rõ Pa-ra-xeo (tức Hoàng Sa) thuộc lãnh thổ Việt Nam và chú thích cả tên Việt Nam là "Cát Vàng



Theo ghi chú bản đồ trong bộ Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư biên soạn vào thế kỉ XVII, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc phủ Tư Nghĩ (Quảng Ngãi).

- Một số công trình sử học và địa lí của Việt Nam cũng ghi chép tường tận về cương vực lãnh thổ và những hoạt động thực thi, bảo vệ chủ quyền của các chính quyền chúa Nguyễn, vua Lê – chúa Trịnh, Triều Tây Sơn và Triều Nguyễn ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa như: Đại Việt

sử ký tục biên, Phủ biên tạp lục, Đại Nam thực lục, Hoàng Việt địa dư chí, Đại Nam nhất thống chí,...

- Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là một dải những hòn đảo được gọi bằng nhiều tên khác nhau trong các bộ chính sử của các triều đại phong kiến Việt Nam như: Bãi Cát Vàng, Côn Vàng, Vạn Lý Hoàng Sa, Vạn Lý Trường Sa, Đại Trường Sa,...

- Hoạt động xác lập chủ quyền, quản lý liên tục mang tính nhà nước đối với quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được khẳng định thông qua việc thành lập và hoạt động của các đội Hoàng Sa, đội Bắc Hải từ thế kỉ XVII đến đầu thế kỉ XIX.

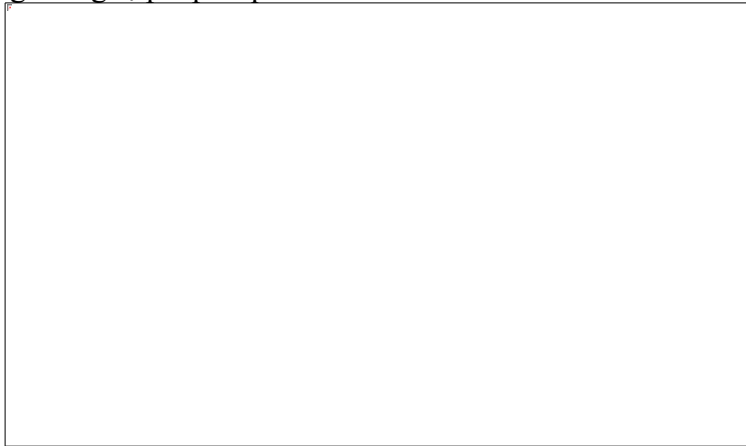
- Chúa Nguyễn Phúc Nguyên (1563 – 1635) đã thành lập hải đội Hoàng Sa, sau đó lập thêm đội Bắc Hải, “sai đội Hoàng Sa kiêm quản” Hải đội Hoàng Sa đảm nhận việc khai thác và canh giữ các đảo ở Biển Đông, chạy dài ngoài khơi, từ phía tây nam đảo Hải Nam xuống vùng đảo Trường Sa, tới tận vùng đảo Côn Lôn ngày nay. Hải đội còn có quyền thu gom những hàng hoá của các tàu nước ngoài bị đắm ở khu vực quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa về nộp cho triều đình.

- Đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải tiếp tục duy trì hoạt động ở thời Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII). Sự quan tâm của các chính quyền phong kiến và hoạt động liên tục của các đội dân binh này trong suốt các thế kỉ XVII – XVIII đã khẳng định quá trình khai thác, thực thi chủ quyền từ rất sớm của người Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

- Lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa là một tập tục cổ truyền có từ thời Hải đội Hoàng Sa (thế kỉ XVII) nhằm tri ân những người đi làm nhiệm vụ và cầu cho họ được bình an trở về... Ngày nay, lễ Khao lề thế lính Hoàng Sa vẫn được duy trì nhằm tri ân Hải đội Hoàng Sa năm xưa, đồng thời giáo dục thế hệ trẻ về trách nhiệm giữ gìn biển đảo quê hương.

Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1954

- Cuối thế kỉ XIX, chính quyền thực dân Pháp (khi đó là đại diện ngoại giao của Triều Nguyễn) tiếp tục khẳng định chủ quyền của Việt Nam, quản lý, bảo vệ quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa theo đúng thông lệ pháp lí quốc tế.



Năm 1950, Pháp giao lại quyền quản lý quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa cho Chính quyền Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại làm Quốc trưởng.

Tại Hội nghị Xan Phran-xi-xcô có sự tham dự của đại diện 51 nước, ngày 7 – 9 – 1951, Thủ tướng kiêm Ngoại trưởng của Chính quyền Quốc gia Việt Nam tuyên bố quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là lãnh thổ của Việt Nam; không có bất kì nước nào phản ứng hay tranh cãi điều gì.

Từ năm 1945 đến năm 1975

- Từ sau Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954), quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa được đặt dưới sự quản lý hành chính của các chính quyền ở miền Nam Việt Nam..

- Từ giữa tháng 4 – 1975, Quân giải phóng miền Nam Việt Nam đã triển khai lực lượng thực thi chủ quyền đối với quần đảo Trường Sa.
- Việt Nam Cộng hoà (Chính quyền Sài Gòn) đã cử quân đồn trú và triển khai những hoạt động quân sự quan trọng nhằm bảo vệ quần đảo Hoàng Sa.
- Ngày 19-1-1974, quân đội Việt Nam Cộng hoà (quân đội Sài Gòn) đã thất bại trong cuộc chiến đấu bảo vệ quần đảo Hoàng Sa trước sự tấn công của quân đội Trung Quốc.
- + Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam tuyên bố khẳng định quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa là một bộ phận của lãnh thổ Việt Nam.

Từ năm 1975 đến nay

- Hải quân Việt Nam đã nhiều lần phải chiến đấu bảo vệ quần đảo Hoàng sa trước sự tấn công của quân đội nước ngoài (sự kiện Gạc Ma năm 1988)
- Nhà nước Việt Nam cũng kiên trì đấu tranh ngoại giao và pháp lí để khẳng định và bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại lại quần đảo.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

Sản phẩm dự kiến

Giai đoạn	Nội dung chính
Trước thế kỉ XIX	<ul style="list-style-type: none"> - Vào thế kỉ XVII, chúa Nguyễn cho lập Đội Hoàng Sa đến khai thác sản vật, thực thi chủ quyền tại quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Đến đầu thế kỉ XVIII, bên cạnh Đội Hoàng Sa trấn giữ các quần đảo ở Biển Đông, chúa Nguyễn Phúc Chu còn lập ra Đội Bắc Hải (dưới sự kiểm quân của Đội Hoàng Sa) - Dưới triều Nguyễn, các đội Hoàng Sa, Bắc Hải đã được tái lập (1803) và đặt trong tổ chức chung của các đội Trường Đà.
Từ cuối thế kỉ XIX đến năm 1954	<ul style="list-style-type: none"> - Pháp đại diện quyền lợi của Việt Nam trong quan hệ đối ngoại, luôn khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Theo Hiệp định Ê-ly-dê ngày 8-3-1949, Pháp bắt đầu quá trình chuyển giao quyền kiểm soát hai quần đảo này cho Chính phủ Quốc gia Việt Nam do Bảo Đại đứng đầu.
Từ năm 1954 đến năm 1975	<ul style="list-style-type: none"> - Theo thoả thuận của Hiệp định Giơ-ne-vơ năm 1954, Việt Nam Cộng hoà (chính quyền Sài Gòn) đã tiếp quản và khẳng định lại chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa. - Năm 1956, lợi dụng bối cảnh chuyển giao giữa Pháp và Việt Nam Cộng hoà, Trung Quốc đưa quân chiếm đóng nhóm đảo phía đông quần đảo Hoàng Sa. - Tháng 4-1975, Hải quân Nhân dân Việt Nam đã thu hồi quần đảo Trường Sa, sau đó triển khai lực lượng quản lí và bảo vệ các đảo trên quần đảo Trường Sa có quân đội Việt Nam Cộng hoà đóng giữ.
Từ năm 1975 đến nay	Sau chiến dịch Hồ Chí Minh năm 1975, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà (từ năm 1976 là Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam) thực hiện quyền quản lí hành chính và đấu tranh về pháp lí, ngoại giao để khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phần phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa
a. Quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lý đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa
- Các tư liệu lịch sử của Việt Nam và thế giới đều cho thấy Việt Nam là nhà nước đầu tiên khai phá, xác lập chủ quyền và quản lý liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) Nội dung: HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: Câu trả lời đúng của HS

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV cho HS thảo luận nhóm

? Sử dụng tư liệu lịch sử để chứng minh rằng: Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập, quản lý liên tục và thực thi, bảo vệ chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV

- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) Nội dung: GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) Sản phẩm: Bài làm của HS.

d) Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Là một học sinh, em cần làm gì để góp phần bảo vệ chủ quyền biển đảo của Tổ quốc?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.

- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.

- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).

- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Ngày soạn: 11/04/2026

BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG (t3)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử
- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông
- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình
- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam

2. Về năng lực

* Năng lực chung:

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

* Năng lực riêng:

- Rèn luyện kĩ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử: trình bày, giải thích, phân tích,... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới - Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Những tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho hs nghe 1 bài hát và yêu cầu HS đoán tên bài hát

A. Gàn lấm Trường Sa

B. Nơi đảo xa

C. Sức sống Trường Sa

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B. Nơi đảo xa

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

a. Mục tiêu: - Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển đông

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

Nhiệm vụ 1: Cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi

? Nhà nước Việt Nam trong từng giai đoạn lịch sử đã có ý thức và triển khai các hoạt động gì để đấu tranh bảo vệ chủ quyền quốc gia trên Biển Đông?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin

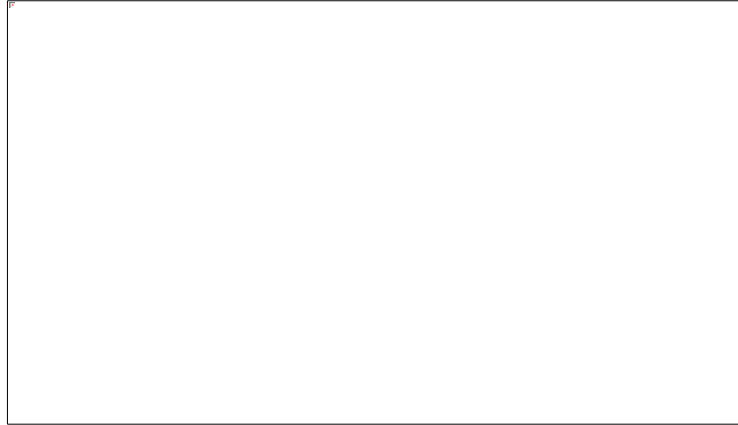
Trước năm 1884

- Từ thời chúa Nguyễn, Vương triều Tây Sơn, các đội Hoàng Sa, Bắc Hải có nhiệm vụ tuần tiễu giữ gìn vùng biển, ứng chiến với nạn cướp biển và những xâm phạm tại quần đảo Hoàng Sa,...

- Dưới Triều Nguyễn, các đội thủy quân chuyển trách công việc bảo vệ, thực thi chủ quyền ở quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa được tổ chức.

Chúa Nguyễn ở Đàng Trong là chính quyền đầu tiên đã xác định được chủ quyền đối với hai quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa.

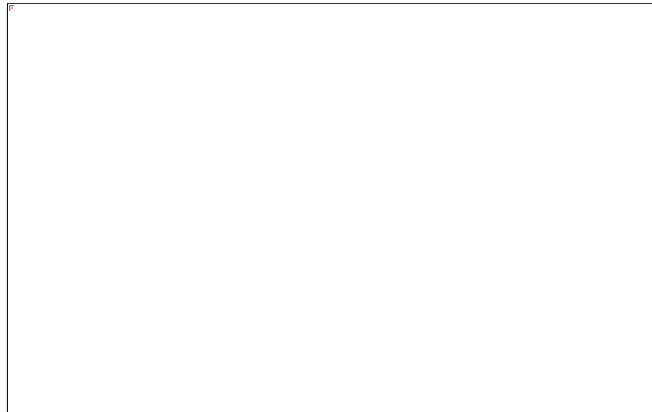
Đội Hoàng Sa và đội Bắc Hải tiếp tục duy trì hoạt động ở thời Tây Sơn (cuối thế kỉ XVIII). Sự quan tâm của các chính quyền phong kiến và hoạt động liên tục của các đội dân binh này trong suốt các thế kỉ XVII – XVIII đã khẳng định quá trình khai thác, thực thi chủ quyền từ rất sớm của người Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.



Từ năm 1884 đến năm 1954

- Năm 1939, chính quyền thực dân Pháp gửi công hàm phản đối việc Nhật Bản tuyên bố kiểm soát một số đảo thuộc quần đảo Trường Sa.

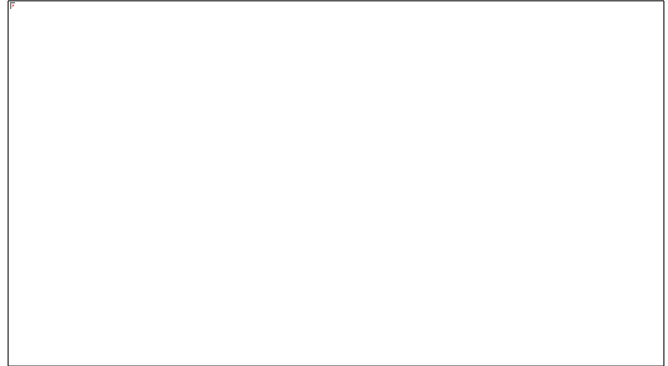
- Năm 1946, chính quyền thực dân Pháp cho hải quân trú đóng ở các đảo chính thuộc quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và yêu cầu quân đội Trung Hoa Dân quốc rút khỏi các đảo đã chiếm đóng trái phép.



Từ năm 1945 đến năm 1975

- Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hoà miền Nam Việt Nam ra tuyên bố khẳng định chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ là những vấn đề thiêng liêng và bất khả xâm phạm.

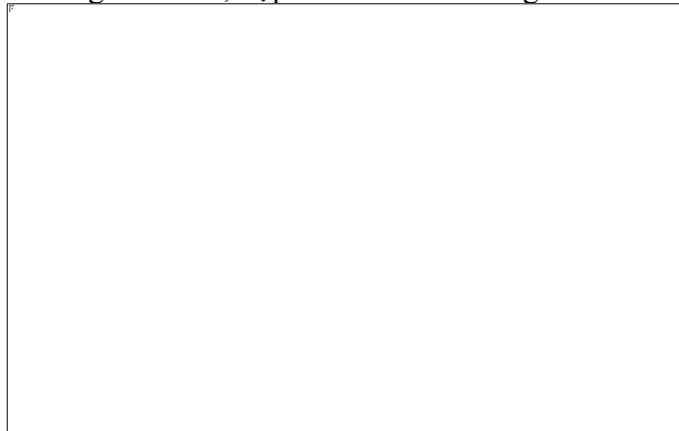
- Tháng 1 – 1974, quân đội Việt Nam Cộng hoà (quân đội Sài Gòn) thất bại trong cuộc chiến đấu ở quần đảo Hoàng Sa trước sự tấn công của quân đội Trung Quốc.



Từ năm 1975 đến nay

- Tháng 3 – 1988, nhiều chiến sĩ Hải quân Nhân dân Việt Nam đã hi sinh anh dũng khi chiến đấu bảo vệ chủ quyền tại các đảo Gạc Ma, Cô Lin, Len Đao trước cuộc tấn công của quân đội Trung Quốc.

- Từ tháng 3 – 1988 đến nay, Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam kiên trì đấu tranh ngoại giao và pháp lí để khẳng định, bảo vệ chủ quyền của Việt Nam tại quần đảo Hoàng Sa, quần đảo Trường Sa và môi trường hoà bình, hợp tác trên Biển Đông.



Lời căn dặn của vua Lê Thánh Tông

Vua Lê Thánh Tông căn dặn các quan trong triều:

”Một thước núi, một thước sông của ta lẽ nào lại vớt bỏ? Phải kiên quyết tranh biện, chớ cho họ lấn dần, nếu họ không nghe còn có thể sai sứ sang tận triều đình của họ, trình bày rõ điều ngay, lẽ gian. Nếu người nào dám đem một tấc đất của Thái Tổ làm mồi cho giặc, thì tội phải tru di”.

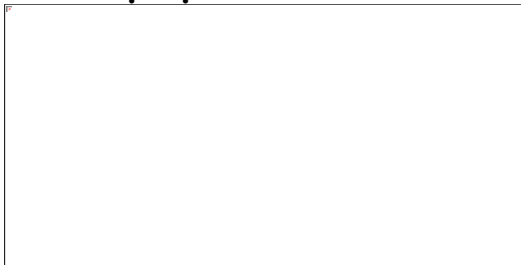
(Đại Việt sử kí toàn thư)

? Qua lời căn dặn của vua Lê Thánh Tông em có nhận xét gì về chủ trương của nhà Lê đối với lãnh thổ đất nước

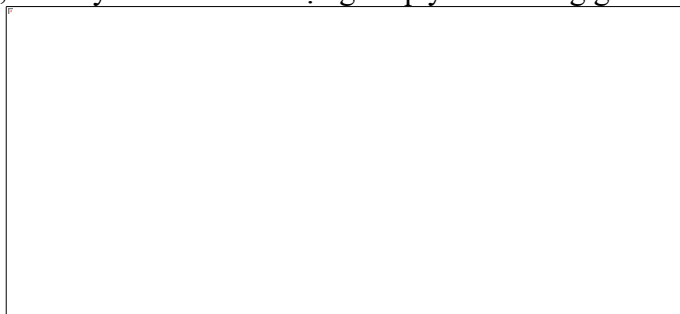
-Đến nay, Việt Nam đã kí Hiệp định về vùng nước lịch sử với Cam-pu-chia (1982); kí Hiệp định về phân định ranh giới trên biển trong vịnh Thái Lan ngày 9 – 8 – 1997 (có hiệu lực kể từ ngày 27 – 2 – 1998); kí Hiệp định về phân định lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa trong vịnh Bắc Bộ với Trung Quốc (2000); kí Hiệp định về phân định ranh giới thềm lục địa với In-đô-nê-xi-a (2003); đàm phán với Trung Quốc về phân định khu vực ngoài của vịnh Bắc Bộ; đàm phán về

hợp tác cùng phát triển trên biển, về hợp tác trong các lĩnh vực ít nhạy cảm trên biển Việt Nam – Trung Quốc,...

Xây dựng và đệ trình lên Ủy ban Ranh giới Thềm lục địa của Liên hợp quốc (CLCS) các báo cáo xác định ranh giới ngoài thềm lục địa.



Kiên trì yêu cầu tôn trọng luật pháp quốc tế, trong đó có Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc (UNCLOS), coi đây là cơ sở cho việc giải quyết bất đồng giữa các bên.



Kiên trì, kiên quyết nêu các quan điểm trên, đấu tranh bằng các biện pháp hoà bình phù hợp luật pháp quốc tế, nhất là UNCLOS.

Các lực lượng chức năng của Việt Nam thực thi và bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền và quyền tài phán của Việt Nam phù hợp luật pháp quốc tế và pháp luật Việt Nam.

Phối hợp hành động với các nước vì mục đích phát triển bền vững; duy trì các cơ chế về hợp tác cùng phát triển với các nước ven Biển Đông.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

2. Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa

b. Cuộc đấu tranh bảo vệ, thực thi chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

Nhà nước Việt Nam qua các thời kì lịch sử có những hoạt động đấu tranh kiên quyết nhằm bảo vệ, thực thi chủ quyền biển đảo, đặc biệt là đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “chiếc vòng đa sắc” mỗi câu trả lời đúng sẽ có điểm cộng

1. Lãnh thổ quốc gia là?

- A. Một phần của trái đất bao gồm vùng đất và vùng trời của quốc gia.
- B. Phạm vi không gian giới hạn bởi biên giới quốc gia
- C. Phạm vi không gian bao gồm vùng đất và vùng nước, vùng biển
- D. Phạm vi không gian được giới hạn bởi biên giới quốc gia.

2. Việt Nam có đường bờ biển dài bao nhiêu km?

- A. 2360 km
- B. 3620 km
- C. 3260 km
- D. 3206 km

3. Ngày 14/3/1988, trận chiến nào đã nổ ra. 64 cán bộ, chiến sĩ Hải quân nhân dân Việt Nam đã anh dũng hy sinh trong cuộc chiến đấu bảo vệ chủ quyền lãnh thổ

- A. Điện Biên Phủ
- B. Gạc Ma
- C. Đồng Khởi
- D. Biên giới thu đông

4. Triều đại phong kiến nào được coi là đã xác lập chủ quyền với Hoàng Sa, Trường Sa

- A. Ngô
- B. Đinh
- C. Nguyễn
- D. Lê Sơ

5. Tàu thuyền của các quốc gia khác có được đi lại trong vùng lãnh hải của VN không?

- A. Được phép đi lại tự do
- B. Được phép đi lại không gây hại
- C. Không được phép đi lại
- D. Được phép đi lại khi chính phủ Việt Nam cho phép

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5
Đáp án	A	C	B	C	B

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Nêu những việc làm mà một công dân có thể đóng góp cho cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Ngày soạn: 15/04/2026

BÀI 13: VIỆT NAM VÀ BIỂN ĐÔNG (t4,5)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

Sau bài học này, giúp HS:

1. Về kiến thức

- Nêu được tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông đối với Việt Nam về quốc phòng an ninh, về phát triển các ngành kinh tế trọng điểm.
- Nêu được Việt Nam là Nhà nước đầu tiên xác lập chủ quyền và quản lí liên tục đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa trong lịch sử
- Trình bày được nét chính về cuộc đấu tranh bảo vệ và thực thi chủ quyền các quyền và tính hợp pháp của Việt Nam ở Biển đông
- Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình
- Trân trọng những thành quả đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông trong lịch sử sẵn sàng tham gia đóng góp vào cuộc đấu tranh bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà nước Việt Nam

2. Về năng lực

* *Năng lực chung:*

- Giải quyết được những nhiệm vụ học tập một cách độc lập, theo nhóm và thể hiện sự sáng tạo.
- Góp phần phát triển năng lực giao tiếp và hợp tác qua hoạt động nhóm và trao đổi công việc với giáo viên.

* *Năng lực riêng:*

- Rèn luyện kĩ năng sưu tầm, khai thác và sử dụng sử liệu, bản đồ trong học tập lịch sử: trình bày, giải thích, phân tích,... sự kiện, quá trình lịch sử liên quan đến bài học; vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để giải quyết những tình huống, bài tập nhận thức mới - Trên cơ sở đó, góp phần hình thành và phát triển các năng lực tìm hiểu lịch sử, nhận thức và tư duy lịch sử, vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học.

3. Về phẩm chất

- Bồi dưỡng các phẩm chất như: trung thực, sáng tạo, chăm chỉ, trách nhiệm, có ý thức tìm tòi, khám phá lịch sử và sẵn sàng tham gia vào các hoạt động bảo vệ chủ quyền biển đảo.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên.

- KHBD soạn theo định hướng phát triển năng lực, phiếu học tập dành cho HS.
- Các kênh hình (phóng to).
- Những tư liệu bổ sung về các nước Châu Âu và Bắc Mỹ
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Học sinh

- SGK
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học (nếu có) và dụng cụ học tập theo yêu cầu của GV.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

HOẠT ĐỘNG 1. KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Giúp HS

- Kết nối kiến thức từ cuộc sống vào nội dung bài học. Giúp khơi gợi tính tò mò của HS, tạo tâm thế cho học sinh đi vào tìm hiểu bài mới.

b) Nội dung:

GV: Giao nhiệm vụ cho HS

HS quan sát hình ảnh, hoạt động cá nhân để trả lời câu hỏi của GV

c) Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d) Tổ chức thực hiện:

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV cho Xem đoạn video cho biết:

? Trung Quốc đang xâm phạm vùng đặc quyền kinh tế của Việt Nam như thế nào? và chúng ta cần cứ vào đâu để có thể đấu tranh chống lại sự xâm phạm đó?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV: Hướng dẫn HS quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời câu hỏi.

HS: Quan sát, phân tích hình ảnh và trả lời.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

GV: Yêu cầu HS trả lời câu hỏi.

HS: Báo cáo câu trả lời

- HS còn lại theo dõi, nhận xét (nếu cần).

Dự kiến sản phẩm

B. Nơi đảo xa

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét câu trả lời của HS, chốt kiến thức, chuyển dẫn vào hoạt động hình thành kiến thức mới.

- Viết tên bài, nêu mục tiêu chung của bài và dẫn vào HĐ tiếp theo.

HOẠT ĐỘNG 2. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

3. Chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình.

a. Mục tiêu: - Nêu được chủ trương của Việt Nam giải quyết các tranh chấp ở Biển Đông bằng biện pháp hòa bình

b. Nội dung: HS quan sát máy chiếu, sử dụng SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

c. Sản phẩm: HS hoàn thành tìm hiểu kiến thức

d. Tổ chức thực hiện

B1: Chuyển giao nhiệm vụ (GV)

GV yêu cầu HS thảo luận nhóm và trả lời câu hỏi

1. Trình bày chủ trương của Việt Nam khi giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông.

2. Nêu một số ví dụ thực tiễn về việc thực hiện chủ trương này của Việt Nam mà em biết.

B2: Thực hiện nhiệm vụ

GV hướng dẫn HS trả lời

HS: Quan sát ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi.

GV cung cấp thông tin

Chủ trương của ta

- Nhà nước Việt Nam thực hiện các biện pháp toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế và quân sự nhằm bảo vệ quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

- Đối với các tranh chấp chủ quyền, Việt Nam chủ trương giải quyết các tranh chấp trên Biển Đông thông qua biện pháp hoà bình với tinh thần hiểu biết và tôn trọng lẫn nhau, tuân thủ luật pháp quốc tế.

Các việc làm thực tiễn của nước ta

Ban hành các văn bản pháp luật khẳng định chủ quyền

- Các Sách trắng khẳng định chủ quyền của Việt Nam đối với quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa theo luật pháp quốc tế (9 – 1979, 12 – 1981, 4 – 1988,...).
- Tuyên bố về lãnh hải, vùng tiếp giáp, vùng đặc quyền kinh tế và thềm lục địa Việt Nam (5 - 1977).
- Luật Biên giới quốc gia (6 – 2003).
- Bộ luật Hàng hải Việt Nam (6 – 2005, 11 – 2015).

Tham gia Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982 (UNCLOS),

Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc (United Nations Convention on the Law of the Sea, gọi tắt là UNCLOS 1982), kí ngày 10 – 12 – 1982 tại vịnh Mon-tê-gâu, Gia-mai-ca, có hiệu lực từ ngày 16 – 11 – 1994, là một văn kiện pháp lí đa phương đồ sộ, bao gồm 320 Điều khoản và 9 Phụ lục, với hơn 1.000 quy phạm pháp luật.

Việt Nam là một trong 107 quốc gia ký Công ước tại Montego Bay, Jamaica ngay sau khi văn kiện này được mở ký và là một trong những quốc gia phê chuẩn sớm, trước khi Công ước có hiệu lực. Điều này thể hiện thiện chí, sự coi trọng và kỳ vọng của Việt Nam vào một trật tự pháp lý mới về biển và đại dương.

Ngày 23 – 6 – 1994, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ban hành Nghị quyết về việc phê chuẩn UNCLOS.

Điều 87 thuộc Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc như sau:

Điều 87. Tự do trên biển cả

1. Biển cả được để ngỏ cho tất cả các quốc gia, dù có biển hay không có biển. Quyền tự do trên biển cả được thực hiện trong những điều kiện do các quy định của Công ước và những quy tắc khác của pháp luật quốc tế trừ định. Đối với các quốc gia, dù có biển hay không có biển, quyền tự do này đặc biệt bao gồm:

- a) Tự do hàng hải;
- b) Tự do hàng không

2. Mỗi quốc gia khi thực hiện các quyền tự do này phải tính đến lợi ích của việc thực hiện quyền tự do trên biển cả của các quốc gia khác, cũng như đến các quyền được Công ước thừa nhận liên quan đến các hoạt động trong vùng,

Theo Công ước, các quốc gia ven biển (kể cả các quốc gia quần đảo) có 5 vùng biển như sau: vùng nội thuỷ, vùng lãnh hải, vùng tiếp giáp lãnh hải, vùng đặc quyền kinh tế, vùng thềm lục địa (kể cả thềm lục địa kéo dài). Tùy theo đặc điểm và cấu tạo địa lí mà quốc gia ven biển có đầy đủ 5 vùng biển. Việt Nam là quốc gia ven biển có đặc điểm địa lí phù hợp cho việc yêu sách cả 5 vùng biển nêu trên.

Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012.

-Luật Biển Việt Nam quy định Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp hoà bình, phù hợp với Công ước của Liên hợp quốc về Luật Biển năm 1982, pháp luật và thực tiễn quốc tế.

Luật Biển Việt Nam được xây dựng bắt đầu từ năm 1998. Ngày 21 – 6 – 2012, Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII thông qua Luật Biển Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 1 – 1 – 2013.

-Luật Biển Việt Nam gồm 7 chương, 55 điều.

Ban hành Luật Biển Việt Nam là hoạt động lập pháp nhằm hoàn thiện khuôn khổ pháp lí của Việt Nam về biển, đảo; lần đầu tiên Việt Nam có văn bản luật quy định đầy đủ chế độ pháp lí của các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam theo đúng UNCLOS; tạo cơ sở pháp lí quan trọng để Việt Nam thực hiện quản lí, bảo vệ và phát triển kinh tế biển, đảo của mình.

Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC).

-Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC); Việt Nam tích cực thúc đẩy và thực hiện đầy đủ tuyên bố; chủ động, tích cực phối hợp với các nước thành viên ASEAN và Trung Quốc đàm phán, tiến tới xây dựng Bộ Quy tắc ứng xử ở Biển Đông (COC).

Ngày 4 – 11 – 2002 tại Phnôm Pênh (Cam-pu-chia), 10 nước ASEAN và Trung Quốc kí Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC), nhằm thúc đẩy môi trường hoà bình, ổn định và hữu nghị giữa các quốc gia trong khu vực Biển Đông, tạo điều kiện cho việc giải quyết các tranh chấp lãnh thổ trong khu vực này một cách hoà bình và lâu dài.

Việt Nam chủ trương phát triển kinh tế biển gắn liền với tăng cường quốc phòng, an ninh trên biển, xây dựng thế trận quốc phòng toàn dân trên biển.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động.

GV yêu cầu HS trả lời.

HS trả lời câu hỏi của GV.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

GV bổ sung phân phân tích nhận xét, đánh giá, kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập của học sinh. Chính xác hóa các kiến thức đã hình thành cho học sinh.

3. Chủ trương của Việt Nam trong giải quyết các tranh chấp chủ quyền ở Biển Đông bằng biện pháp hoà bình.

- Nhà nước Việt Nam thực hiện các biện pháp toàn diện trên các lĩnh vực chính trị, ngoại giao, kinh tế và quân sự nhằm bảo vệ quyền, chủ quyền và các lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông
- Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã thực hiện chủ trương nhất quán trong việc hợp tác giải quyết các tranh chấp, bất đồng trên Biển Đông bằng biện pháp hoà bình, phù hợp với luật pháp quốc tế.

HOẠT ĐỘNG 3. LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** Vận dụng kiến thức của bài học vào việc làm bài tập cụ thể.

b) **Nội dung:** HS suy nghĩ cá nhân trả lời câu hỏi của GV

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời đúng của HS

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ:

GV tổ chức trò chơi “Ai là triệu phú” mỗi câu trả lời đúng sẽ có điểm cộng

1. Việt Nam ban hành Luật hàng hải Việt Nam được ban hành đầu tiên vào thời gian nào?

A. 1990 B. 1992 C. 1991 D. 1993

2. Lễ kí kết Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) diễn ra ở nước nào?

A. Cam-pu-chia B. Việt Nam C. Thái Lan D. Xin-ga-po

3. Công ước Luật Biển của Liên hợp quốc được kí kết vào năm nào?

A. 1898 B. 1899 C. 1981 D. 1982

4. Đâu không phải một hoạt động của Việt Nam để bảo vệ chủ quyền biển đảo?

A. Tham gia Công ước Luật Biển năm 1982 của Liên hợp quốc

- B. Thông qua Luật Biển Việt Nam năm 2012.
C. Nghiên cứu, chế tạo vũ khí hạt nhân
D. Thúc đẩy và thực hiện đầy đủ Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông
5. UNCLOS phải bắt đầu có hiệu lực từ ngày 16/11/1994, sau khi đã được bao nhiêu quốc gia thành viên phê chuẩn.
A. 50 B. 60 C. 70 D. 80
6. Luật Biển Việt Nam quy định Nhà nước giải quyết các tranh chấp liên quan đến biển, đảo với các nước khác bằng các biện pháp nào?
A. Hoà bình B. Chiến tranh
C. Hợp pháp và bất hợp pháp D. Đáp án A và C
7. Lễ kí kết Tuyên bố về ứng xử của các bên ở Biển Đông (DOC) có một quốc gia không nằm trong khối ASEAN là
A. Nhật Bản B. Ấn Độ C. Hàn Quốc D. Trung Quốc

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- HS xác định yêu cầu của GV
- GV hướng dẫn cho HS trả lời câu hỏi

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi.
- HS trình bày, theo dõi, nhận xét, đánh giá và bổ sung cho bài của bạn (nếu cần).

Sản phẩm dự kiến

Câu hỏi	1	2	3	4	5	6	7
Đáp án	A	A	D	C	B	A	D

B4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét bài làm của HS.

HOẠT ĐỘNG 4. VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Củng cố và mở rộng kiến thức nội dung của bài học cho HS

b) **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ, HS thực hiện nhiệm vụ.

c) **Sản phẩm:** Bài làm của HS.

d) **Tổ chức thực hiện**

B1: Chuyển giao nhiệm vụ: (GV giao bài tập)

Bài tập: Công cuộc thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông có ý nghĩa như thế nào đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam hiện nay?

B2: Thực hiện nhiệm vụ

- GV hướng dẫn các em tìm hiểu yêu cầu của đề.
- HS đọc và xác định yêu cầu của bài tập.

B3: Báo cáo kết quả hoạt động

- GV hướng dẫn các em cách nộp sản phẩm cho GV sau khi hoàn thành.
- HS làm bài tập ra giấy và nộp lại cho GV theo hướng dẫn.

B4: Kết luận, nhận định (GV)

- Nhận xét ý thức làm bài của HS, nhắc nhở những HS không nộp bài hoặc nộp bài không đúng qui định (nếu có).
- Dặn dò HS những nội dung cần học ở nhà và chuẩn bị cho bài học sau.

Ngày soạn:16/4/2026

Lớp dạy 11/6,7,8,9

Tiết :48,49,50

NỘI DUNG THỰC HÀNH CHỦ ĐỀ 6:
LỊCH SỬ BẢO VỆ CHỦ QUYỀN, CÁC QUYỀN VÀ LỢI ÍCH HỢP PHÁP CỦA VIỆT NAM Ở BIỂN ĐÔNG

(3 tiết)

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

1. Về kiến thức

Sau bài học này, HS sẽ:

- Hệ thống hóa những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong *Chủ đề 6 – Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*
- Vận dụng kiến thức để làm bài tập thực hành.
- Tự đánh giá/đánh giá chéo phần trả lời câu hỏi bài tập của bản thân/bạn bè.

2. Năng lực

Năng lực chung:

- *Năng lực giải quyết vấn đề:* thông qua vận dụng được kiến thức về *Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông* để giải thích lịch sử qua bài tập vận dụng.
- *Năng lực tự chủ, tự học, giao tiếp và hợp tác:* thông qua việc quan tâm, yêu thích và tham gia các hoạt động tìm hiểu lịch sử.

Năng lực riêng:

- *Năng lực nhận thức và tư duy lịch sử:* Thông qua khai thác thông tin, tư liệu, hình ảnh để hệ thống được những nội dung kiến thức cơ bản đã học trong *Chủ đề 6 – Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*
- *Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:* Vận dụng kiến thức lịch sử để lí giải những vấn đề của thực tiễn cuộc sống; Có khả năng tự tìm hiểu những vấn đề lịch sử, phát triển

năng lực sáng tạo, có khả năng tiếp cận và xử lý thông tin từ những nguồn khác nhau, có ý thức và năng lực tự học lịch sử suốt đời.

3. Phẩm chất

- Giáo dục phẩm chất chăm chỉ; tự giác, tích cực tham gia các hoạt động học tập để giải quyết vấn đề.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Đối với giáo viên

- SGK, SGV, SBT Lịch sử 11, Giáo án.
- Giấy A0 để tổ chức hoạt động nhóm.
- Máy tính, máy chiếu (nếu có).

2. Đối với học sinh

- SGK, SBT Lịch sử 11.
- Tranh ảnh, tư liệu sưu tầm liên quan đến bài học *Nội dung thực Chủ đề 6– Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a. Mục tiêu: Khởi dậy hứng thú học tập cho HS, tạo không khí vui vẻ khám phá bài học mới và chuyển giao nhiệm vụ học tập.

b. Nội dung: GV chia HS cả lớp thành 3 nhóm, tổ chức cho các nhóm tham gia trò chơi *Nhà sử học thông thái*, bốc thăm câu hỏi cho nhóm mình và trả lời câu hỏi:

- *Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông có tác động như thế nào đến sự hợp tác và xung đột trong khu vực thời gian gần đây?*

- *Nêu ý nghĩa của việc ra đời Luật Biển Việt Nam.*

- *Công cuộc thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông có ý nghĩa như thế nào đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam hiện nay?*

c. Sản phẩm:

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV chia HS làm 3 nhóm, tổ chức cho HS chơi trò chơi *Nhà sử học thông thái*.

- GV tổ chức cho 3 nhóm bốc thăm câu hỏi cho nhóm mình và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi 1: *Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông có tác động như thế nào đến sự hợp tác và xung đột trong khu vực thời gian gần đây?*

Câu hỏi 2: *Nêu ý nghĩa của việc ra đời Luật Biển Việt Nam.*

Câu hỏi 3: *Công cuộc thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông có ý nghĩa như thế nào đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam hiện nay?*

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, hiểu biết của bản thân, thảo luận theo nhóm và trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 3 nhóm thuyết trình trước lớp câu hỏi của nhóm đã bốc thăm được.

- GV yêu cầu các nhóm còn lại lắng nghe, nhận xét, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, kết luận:

Câu hỏi 1: *Tác động của Vị trí và tầm quan trọng của Biển Đông đến sự hợp tác và xung đột trong khu vực thời gian gần đây:*

- *Biển Đông là một trong những vùng biển chiến lược quan trọng trên thế giới. Tuy nhiên, tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông ngày càng diễn biến phức tạp, nhiều yếu tố khó lường, tiềm ẩn nguy cơ xảy ra xung đột, tác động lớn đến môi trường hòa bình ổn định của khu vực, chủ quyền và lợi ích của nhiều nước.*

- *Các nước ASEAN đều mong muốn thông qua quan hệ song phương và đa phương với các nước lớn để cân bằng quyền lực với Trung Quốc, giải quyết vấn đề tranh chấp chủ quyền trên Biển Đông bằng con đường hòa bình, tạo dựng môi trường hòa bình ổn định và phát triển ở khu vực.*

- *Đối với thế giới, Biển Đông có vị trí, vai trò hết sức quan trọng, là một yếu tố không thể thiếu trong chiến lược phát triển kinh tế biển, an ninh quốc phòng, an ninh biển của nhiều nước, nhất là các cường quốc hải dương, các quốc gia có tiềm lực kinh tế, quốc phòng phụ thuộc vào biển.*

- *Biển Đông được coi là “nút thắt” sống còn của châu Á, nơi có các tuyến đường huyết mạch của thế giới. Kiểm soát được Biển Đông sẽ giúp các cường quốc giành ưu thế hải quân tại Tây Thái*

Bình Dương. Kiểm soát được Biển Đông sẽ tạo điều kiện thuận lợi để thiết lập vai trò quốc gia đối với cả một khu vực rộng lớn ở Đông Á và Đông Nam Á.

- Biển Đông có hai khu vực trọng yếu là eo Ma-lắc-ca và khu vực quần đảo Trường Sa. Hầu hết các tuyến đường không, đường biển qua Biển Đông đều phải đi qua hai khu vực này. Nếu giành quyền kiểm soát được một trong hai khu vực này sẽ trực tiếp khống chế được toàn bộ khu vực từ eo biển Ma-lắc-ca đến Nhật Bản, khống chế được nhiều tuyến đường giao thông đường không, đường biển từ Xin-ga-po sang Hồng Kông, từ Quảng Đông đến Ma-ni-la, từ châu Phi sang châu Á, từ Đông Nam Á sang Nam Á.

→ Với vị trí địa chính trị kinh tế đặc biệt quan trọng và nguồn tài nguyên thiên nhiên vô cùng phong phú, đa dạng, Biển Đông có vai trò hết sức to lớn không chỉ đối với các quốc gia ven biển, các quốc gia có tuyên bố chủ quyền mà còn đặc biệt quan trọng đối với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới, liên quan trực tiếp đến an ninh của khu vực và thế giới.

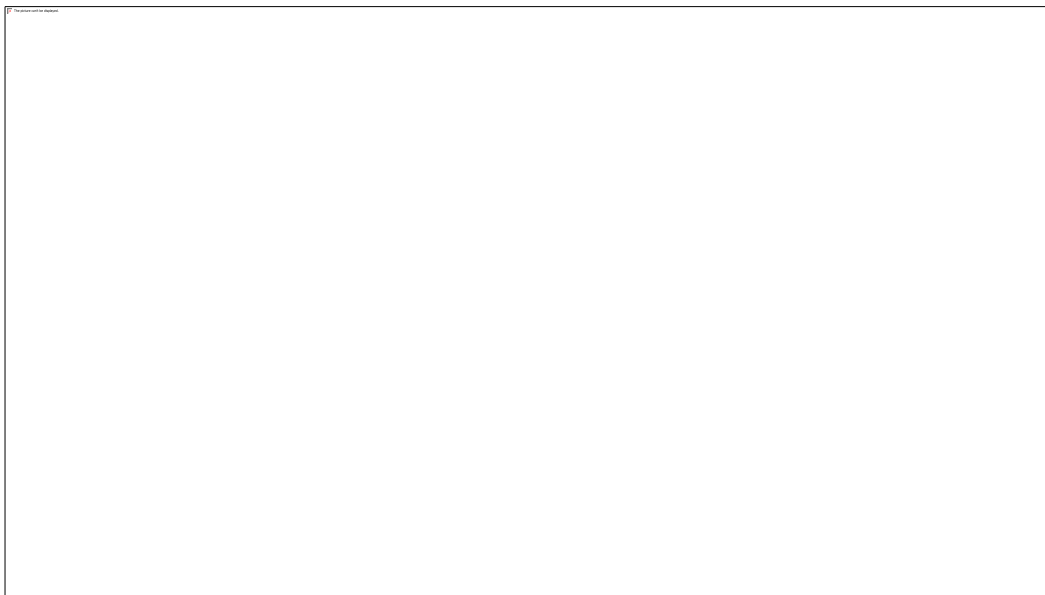


Các khu vực xảy ra xung đột ở Biển Đông

Câu hỏi 2: Ý nghĩa của việc ra đời Luật Biển Việt Nam

- Việc thông qua Luật Biển Việt Nam là một hoạt động lập pháp quan trọng trong việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý liên quan đến biển, đảo nước ta. Lần đầu tiên nước ta có một văn bản luật quy định đầy đủ chế độ pháp lý các vùng biển, đảo thuộc chủ quyền và quyền chủ quyền của Việt Nam theo đúng Công ước Luật Biển năm 1982. Đây là cơ sở pháp lý quan trọng trong việc quản lý, bảo vệ và phát triển kinh tế biển, đảo của nước ta.

- Kết hợp hài hòa các quy định luật pháp quốc gia với các quy định của Công ước Luật Biển năm 1982, chuyển một thông điệp quan trọng tới quốc tế: Việt Nam là một thành viên có trách nhiệm trong cộng đồng quốc tế, tôn trọng và tuân thủ luật pháp quốc tế, nhất là Công ước Luật Biển năm 1982, thể hiện quyết tâm của nước ta phấn đấu vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển của khu vực và thế giới.



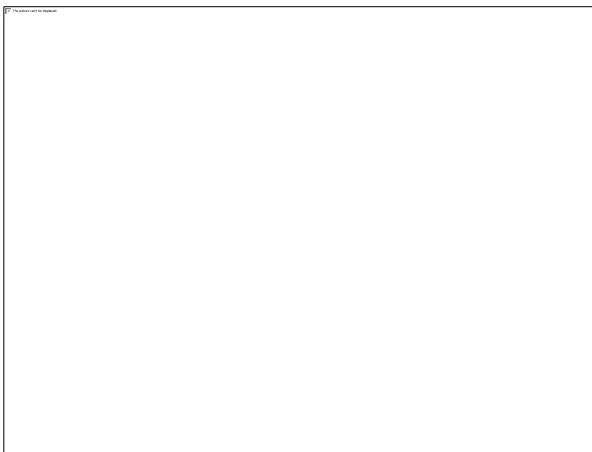
Câu hỏi 3: Ý nghĩa của công cuộc thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam hiện nay:

- Việt Nam có một vùng biển rộng khoảng 1 triệu km², gấp 3 lần diện tích đất liền. Địa hình của Việt Nam hẹp về chiều ngang, bờ biển trải dài khoảng 3 260 km, được Biển Đông bao bọc toàn bộ sườn phía đông và phía nam, thêm lục địa rộng lớn, chứa đựng nguồn tài nguyên thiên nhiên phong phú và đa dạng.

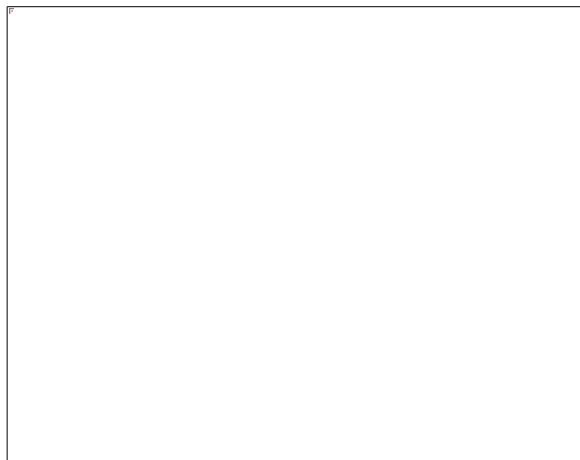
- Biển Đông là “lá chắn sườn” trong hệ thống phòng thủ quan trọng, bảo vệ đất nước. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa ở trung tâm Biển Đông, thuận lợi đặt các trạm thông tin, trạm dừng chân và tiếp nhiên liệu, ... phục vụ cho tuyến đường hàng hải trên Biển Đông, giao thương với thị trường và quốc tế.

- Tuy nhiên, quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam hiện đang là tiêu điểm của những tranh chấp chủ quyền lãnh thổ hết sức phức tạp và nhạy cảm.... Vì vậy, phát triển kinh tế biển gắn với quốc phòng, an ninh, thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông là nhiệm vụ trọng yếu, có ý nghĩa cực kỳ quan trọng

đối với công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, là yếu tố quan trọng để Việt Nam phát triển bền vững.



Quần đảo Hoàng Sa



Quần đảo Trường Sa

- Việc thực thi và bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông phải gắn kết với sự phát triển kinh tế và đời sống của nhân dân, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc chủ quyền biển, đảo là hướng phát triển bền vững của Việt Nam để trở thành quốc gia biển hùng mạnh.

- Kinh tế phát triển là cơ sở để xây dựng nền quốc phòng hùng mạnh. Việt Nam đang tổ chức lại hoạt động khai thác biển theo hướng đẩy mạnh khai thác xa bờ; phát triển nuôi trồng, khai thác hải sản bền vững, tăng cường bảo vệ, tái sinh nguồn lợi hải sản và môi trường biển, phát triển các khu công nghiệp ven biển, tạo thế tiến ra biển, gắn với phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, xuất khẩu, du lịch, dịch vụ nghề cá, dầu khí, vận tải biển,...

- Phát triển kinh tế các đảo, đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, thăm dò, khai thác, nuôi trồng thủy sản gắn với bảo vệ, giữ vững độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội, mở rộng quan hệ đối ngoại, chủ động hội nhập quốc tế, nâng cao vị thế của Việt Nam trên trường quốc tế.

*- GV dẫn dắt HS vào bài học mới: **Nội dung thực hành Chủ đề 6 – Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.***

B. HOẠT ĐỘNG THỰC HÀNH

Nhiệm vụ 1. Vẽ sơ đồ tư duy về lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông

a. Mục tiêu: Thông qua hoạt động, HS trình bày được lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.

b. Nội dung: GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ sơ đồ tư duy quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.*

c. Sản phẩm: Sơ đồ tư duy của HS về quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV yêu cầu HS làm việc cá nhân, thực hiện nhiệm vụ: *Vẽ sơ đồ tư duy quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.*

- GV hướng dẫn cho HS lựa chọn một số sơ đồ tư duy khác nhau để HS lựa chọn, tránh trùng lặp.

Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS vận dụng kiến thức đã học, kĩ năng vẽ sơ đồ tư duy và hoàn thành sơ đồ tư duy vào vở.

- GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ HS (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- GV mời đại diện 1 – 2 HS trình bày được quá trình Việt Nam xác lập chủ quyền và quản lí đối với quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa theo sơ đồ tư duy.

- GV yêu cầu các HS khác quan sát, lắng nghe, bổ sung ý kiến (nếu có).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá và nêu ví dụ:

Sở GD-ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển

GV: Nguyễn Thị Bình- Tổ: Sử- Địa- GDKTPL





- GV chuyển sang nhiệm vụ mới.

Nhiệm vụ 2: Thiết kế áp phích hoặc vẽ tranh cổ động, thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của Việt Nam trên Biển Đông

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

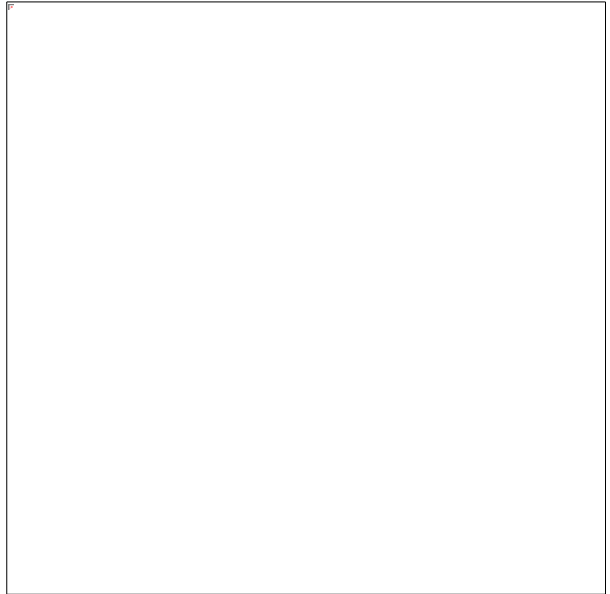
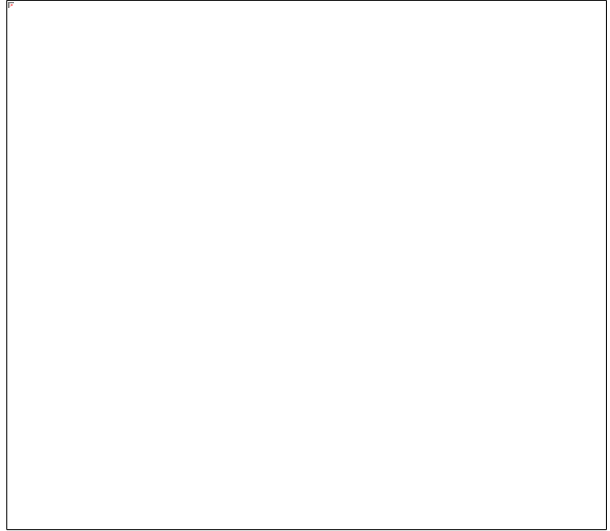
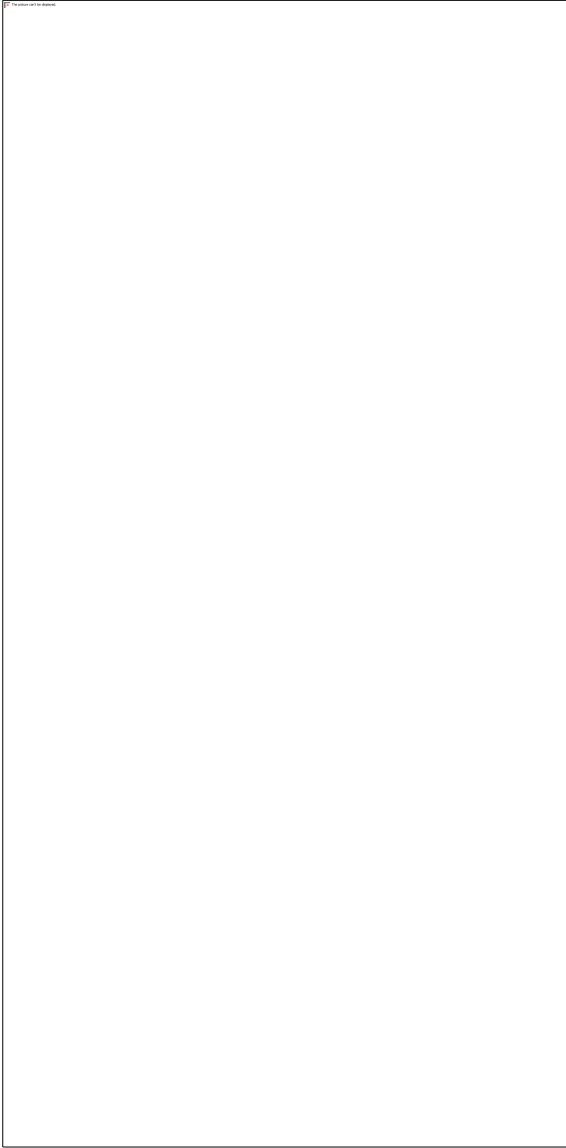
- GV chia HS cả lớp thành 8 nhóm.

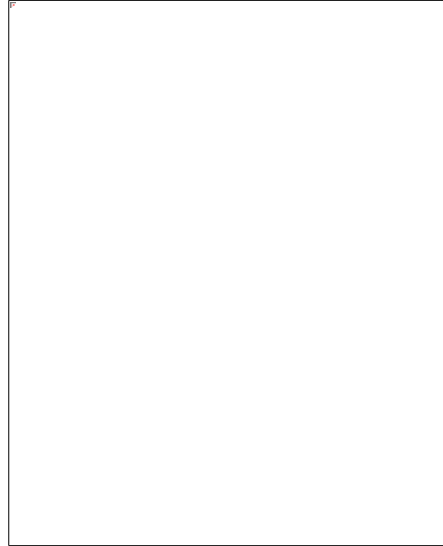
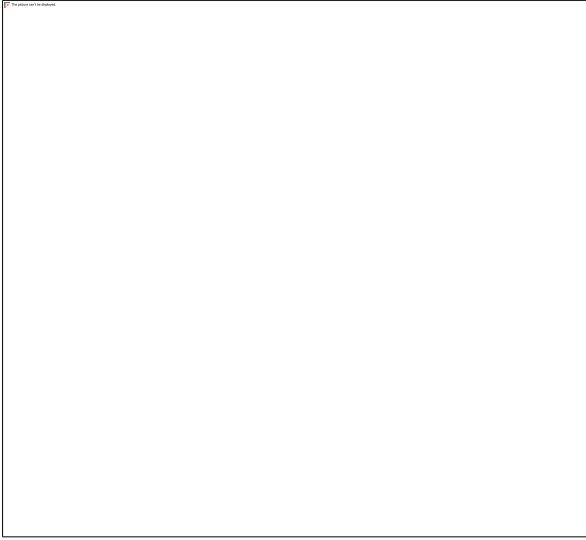
- GV giao nhiệm vụ cụ thể cho các nhóm như sau: *Thiết kế áp phích hoặc vẽ tranh cổ động, thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của Việt Nam trên Biển Đông.*

- GV trình chiếu cho HS quan sát mẫu một số áp phích hoặc vẽ tranh cổ động, thể hiện tinh thần đoàn kết của nhân dân Việt Nam trong việc bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích của Việt Nam trên Biển Đông:

Sở GD-ĐT TP Đà Nẵng
Trường THPT Đỗ Đăng Tuyển

GV: Nguyễn Thị Bình- Tổ: Sử- Địa- GDKTPL





Bước 2: HS tiếp nhận, thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS sưu tầm trên sách, báo, internet và thực hiện theo nhóm.
- GV hướng dẫn, hỗ trợ HS trong quá trình thực hiện (nếu cần thiết).

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

HS trưng bày sản phẩm theo nhóm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

- GV nhận xét, đánh giá, khích lệ những sản phẩm tốt.
- GV giáo dục, bồi dưỡng lòng yêu quê hương, biển đảo cho HS.
- GV kết thúc tiết học.

HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ

- Ôn lại các kiến thức đã học trong *Chủ đề 6 – Lịch sử bảo vệ chủ quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông.*
- Chuẩn bị cho tiết kiểm tra cuối năm học.

TIẾT 51

ÔN TẬP

MA TRẬN KIỂM TRA CKII (25-26) MÔN LỊCH SỬ 11 (TNKQ nhiều lựa chọn; TNKQ đúng – sai; tự luận)

TT	Chương/ Nội dung/đơn	Mức độ đánh giá	Tổng	Tỉ lệ
----	----------------------------	-----------------	------	-------

	chủ đề	vị kiến thức												% điểm	
			TNKQ nhiều lựa chọn			TNKQ đúng sai			Tự luận						
			Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu	VD	Biết	Hiểu		VD
1	Một số cuộc cải cách lớn trong lịch sử Việt Nam (trước năm 1858)	Bài 9. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ (cuối thế kỉ XIV- đầu thế kỉ XV)	2	2											
		Bài 10. Cuộc cải cách của Lê Thánh Tông (thế kỉ XV)	2	1		1	2	1							
		Bài 11. Cuộc cải cách của Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX).	2			1	2	1	1/2		1/2				
2	Lịch sử bảo vệ chủ	Bài 12. Vị trí và tầm quan	2	1		2	4	2			1				

quyền, các quyền và lợi ích hợp pháp của Việt Nam ở Biển Đông	trọng của Biển Đông													
	Tổng số câu	8	4		4	8	4							
	Tổng số điểm	2.0	1.0		4.0		1.0		2.0					10
	Tỉ lệ %	70						30		40	30	30	30	100

GỢI Ý ÔN TẬP SỬ 11-CKII(25-26)

I. TRẮC NGHIỆM NHIỀU LỰA CHỌN:

Bài 9

Câu 1. Trong cải cách về văn hoá, Hồ Quý Ly khuyến khích và đề cao chữ viết nào sau đây?

- A. Chữ Nôm.** B. Chữ Hán. C. Chữ Latinh. D. Chữ Quốc ngữ.

Câu 2. Về kinh tế - xã hội, nhằm hạn chế sự phát triển của chế độ sở hữu ruộng đất lớn trong các điền trang, thái ấp của quý tộc, Hồ Quý Ly đã

- A.** cho phát hành tiền giấy. **B. ban hành chính sách hạn điền.**
C. cải cách chế độ giáo dục. **D.** thống nhất đơn vị đo lường.

Câu 3. Xây dựng nhiều thành lũy kiên cố, chế tạo súng thần cơ, đóng thuyền chiến là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

- A.** kinh tế. **B.** văn hoá. **C. quân sự.** **D.** xã hội.

Câu 4. Hạn chế sự phát triển của Phật giáo, chấn chỉnh lại chế độ thi cử, đề cao chữ Nôm là nội dung cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ về

- A.** kinh tế, xã hội. **B. văn hoá, giáo dục.** **C.** chính trị, quân sự. **D.** hành chính, pháp luật.

Câu 5. Trong cải cách của Hồ Quý Ly, việc quy định số lượng gia nô được sở hữu của các vương hầu, quý tộc, quan lại được gọi là

- A. phép hạn gia nô.** **B.** chính sách hạn điền.
C. chính sách quân điền. **D.** bình quân gia nô.

Câu 6. Nội dung nào sau đây **không** phản ánh đúng ý nghĩa của cuộc cải cách Hồ Quý Ly cuối thế kỉ XIV đầu thế kỉ XV?

- A.** Bước đầu ổn định tình hình xã hội, củng cố tiềm lực đất nước
B. Là cuộc cải cách triệt để giúp đất nước vượt qua khủng hoảng.
C. Góp phần xây dựng nền văn hoá, giáo dục mang bản sắc dân tộc.
D. Để lại nhiều bài học kinh nghiệm quý báu về việc trị nước.

Câu 7. Cuộc cải cách của Hồ Quý Ly và triều Hồ đã đề cao tư tưởng, tôn giáo nào sau đây?

- A.** Phật giáo. **B.** Đạo giáo. **C. Nho giáo.** **D.** Thiên chúa giáo.

Câu 8. Trong cải cách về văn hoá, Hồ Quý Ly khuyến khích và đề cao chữ viết nào sau đây?

- A. Chữ Nôm.** **B.** Chữ Hán. **C.** Chữ Latinh. **D.** Chữ Quốc ngữ.

Câu 9. Nội dung nào sau đây là một trong những nguyên nhân dẫn đến sự suy yếu của triều đại nhà Trần ở nửa sau thế kỉ XIV?

- A.** Đất nước bị quân Minh xâm lược, đô hộ và bóc lột về kinh tế
B. Nhà nước không quan tâm sản xuất, quan lại ăn chơi hưởng lạc.
C. Chiến tranh giữa các phe phái quyền lực đối lập diễn ra liên miên
D. Nhà Trần tiến hành nhiều cuộc chiến tranh xâm lược tốn kém.

Câu 10. Về kinh tế - xã hội, cuộc cải cách của Hồ Quý Ly **không** đề cập đến nội dung nào sau đây?

- A.** Ban hành tiền giấy thay thế tiền đồng. **B.** Hạn chế sở hữu ruộng tư của quý tộc.
C. Thống nhất đơn vị đo lường cả nước. **D. Chế tạo vũ khí, đóng thuyền chiến.**

Câu 11. Về văn hóa - giáo dục, cuộc cải cách của Hồ Quý Ly **không** đề cập đến nội dung nào sau đây?

- A. Bắt tất cả các nhà sư phải hoàn tục.** **B.** Chú trọng việc tổ chức các kì thi.
C. Khuyến khích sử dụng chữ Nôm. **D.** Mở trường học ở các lộ, phủ, châu.

Bài 10

Câu 1. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông cho lập thêm đạo thừa tuyên thứ 13, đó là thừa tuyên

- A.** Hà Nội. **B.** Phú Xuân. **C. Quảng Nam.** **D.** Tây Đô.

Câu 2: Dưới thời vua Lê Thánh Tông, hệ thống quan lại được tuyển chọn chủ yếu thông qua

A. dòng dõi tôn thất B. tiến cử C. giáo dục – khoa cử D. đề cử

Câu 3: Năm 1460, sau khi lên ngôi, vua Lê Thánh Tông đã tiến hành

- A. cuộc cải cách trên nhiều lĩnh vực. B. mở cuộc tiến công sang Trung Quốc.
C. công cuộc thống nhất đất nước. D. khuyến khích phát triển ngoại thương.

Câu 4. Một trong những điểm mới và tiến bộ của bộ luật Quốc triều hình luật là

- A. đề cao quyền tự do, dân chủ của nhân dân. B. bảo vệ tuyệt đối quyền và lợi ích của vua.
C. bảo vệ quyền và lợi ích của quân cấm binh. D. bảo vệ quyền lợi và địa vị của người phụ nữ.

Câu 5. Nội dung nào sau đây phản ánh đúng về chức năng của Lục bộ dưới thời vua Lê Thánh Tông?

- A. Cơ quan giúp việc cho Lục Tự, Lục khoa B. Theo dõi, giám sát hoạt động của Lục khoa.
C. Cơ quan cao cấp chủ chốt trong triều đình. D. Phụ trách hoạt động quân sự của nhà nước.

Câu 6. Nội dung nào sau đây **không** phải là cải cách hành chính ở cấp trung ương của vua Lê Thánh Tông?

- A. Chia đất nước thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô.
B. Xóa bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn.
C. Giữ lại một số ít quan đại thần cùng vua bàn việc khi cần.
D. Tổ chức hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục Bộ, Lục khoa

Câu 7: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng ý nghĩa cải cách của vua Lê Thánh Tông thế kỷ XV?

- A. Nâng cao tiềm lực quốc gia, đẩy lùi nguy cơ ngoại xâm cận kề
B. Đưa đất nước thoát khỏi tình trạng khủng hoảng trầm trọng
C. Góp phần ổn định và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội Đại Việt
D. Hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ và hành chính

Câu 8: Nội dung nào sau đây **không** phải là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực hành chính?

- A. Thành lập Lục bộ đảm nhiệm công việc chủ yếu của quốc gia
B. Tăng cường chế độ kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan
C. Chia cả nước từ 5 đạo thành 12 đạo thừa tuyên và phủ Trung Đô
D. Đề cao Nho giáo, đưa Nho giáo trở thành hệ tư tưởng độc tôn

Câu 9: Nội dung nào sau đây là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực văn hóa – giáo dục?

- A. Quy định chặt chẽ chế độ khoa cử B. Thành lập Lục khoa giám sát Lục bộ

C. Ban hành chế độ lộc điền và quân điền D. Hạn chế quyền lực của vương hầu, quý tộc

Câu 10: Nội dung nào sau đây là cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực quân đội, quốc phòng?

- A. Bãi bỏ hầu hết các chức quan đại thần có quyền lực lớn
- B. Chú trọng xây dựng đội ngũ quan lại có phẩm chất tốt
- C. Chú trọng hoàn thiện hệ thống pháp luật quản lý đất nước

D. Tổ chức các kì thi khảo võ nghệ để tuyển chọn tướng sĩ

Câu 11: Trong nội dung cải cách, Hồ Quý Ly và vua Lê Thánh Tông đều

- A. bãi bỏ nhiều cơ quan, chức quan cũ có nhiều quyền lực**
- B. khuyến khích và đề cao sử dụng chữ Nôm trong thi cử
- C. hạn chế sở hữu ruộng đất quy mô lớn của quý tộc tôn thất
- D. tăng cường cơ chế giám sát, ràng buộc nhau giữa các cơ quan

Câu 12: Năm 1484, vua Lê Thánh Tông quyết định cho dựng bia ghi tên Tiên sĩ nhằm

- A. tập trung quyền lực vào tay vua và triều đình trung ương
- B. đề cao Nho học và tôn vinh các bậc trí thức Nho học**
- C. phát huy những phong tục tập quán tốt đẹp của dân tộc
- D. tăng cường sự ràng buộc lẫn nhau giữa các cơ quan

Câu 13. Nội dung nào sau đây là một trong những ý nghĩa về cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông ở thế kỉ XV?

- A. Mở ra khả năng độc lập, tự chủ đầu tiên cho dân tộc ta.
- B. Làm chuyển biến toàn bộ các hoạt động của quốc gia.**
- C. Tạo thế và lực cho ta đánh bại quân xâm lược Minh.
- D. Tạo tiền đề cho cuộc chiến tranh xâm lược phương Bắc.

Câu 14: Để tăng cường sức mạnh quân đội, trong cải cách của mình, vua Lê Thánh Tông đã

- A. Quy định chặt chẽ kỉ luật quân đội và huấn luyện, tập trận**
- B. Thải hồi những binh sĩ già yếu, bổ sung người khỏe mạnh
- C. Tăng cường tuyển quân quy mô lớn, ở ạt ở các địa phương
- D. Chú trọng cải tiến vũ khí, phòng thủ những nơi hiểm yếu

Câu 15: Một trong những điểm mới của bộ Quốc triều hình luật là

- A. có sự gia tăng hình phạt đối với người phạm tội nếu đã đến tuổi trưởng thành
- B. có sự phân biệt hình phạt đối với người phạm tội nếu tàn tật hoặc còn nhỏ**
- C. đề cao quyền lợi và địa vị của nam giới, quy định cụ thể về tố tụng
- D. xóa bỏ hình phạt đối với người phạm tội nếu tàn tật hoặc còn nhỏ

Câu 16: Cuộc cải cách của vua Lê Thánh Tông được tiến hành trong bối cảnh lịch sử nào sau đây?

- A. Nội bộ triều đình có nhiều mâu thuẫn, biến động.
- B. Nền kinh tế sa sút, nạn đói diễn ra thường xuyên.
- C. Đất nước đứng trước nguy cơ bị nhà Minh xâm lược.
- D. Chế độ phong kiến lâm vào khủng hoảng trầm trọng.

Câu 17. Công cuộc cải cách của Lê Thánh Tông được tiến hành trên mọi lĩnh vực, nhưng tập trung chủ yếu vào lĩnh vực

- A. kinh tế.
- B. giáo dục.
- C. hành chính.
- D. văn hóa.

Bài 11

Câu 1. Ở địa phương, trong công cuộc cải cách hành chính nửa đầu thế kỉ XIX, vua Minh Mạng đã chia cả nước thành

- A. 30 tỉnh và 1 phủ Thừa Thiên.
- B. Bắc Thành, Gia Định thành
- C. 13 đạo thừa tuyên và các phủ
- D. các lộ, trấn, phủ, huyện/châu

Câu 2: Trong cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX), đứng đầu tỉnh là

- A. Đô ty, Thừa ty, Hiến ty.
- B. Lục bộ, Lục khoa
- C. Tổng đốc, Tuần phủ.
- D. Lục khoa, Lục tự

Câu 3: Trong cuộc cải cách nửa đầu thế kỉ XIX, vua Minh Mạng đã phân chia bộ máy chính quyền địa phương thành các cấp nào sau đây?

- A. Đạo thừa tuyên, phủ, huyện/châu, xã.
- B. Tỉnh/thành phố, huyện/châu, xã
- C. Lộ, trấn, phủ, huyện/châu, xã
- D. Tỉnh, phủ, huyện/châu, tổng, xã.

Câu 4: Nội dung nào sau đây **không** phải là hoạt động cải cách của vua Minh Mạng nửa đầu thế kỉ XIX?

- A. Hoàn thiện cơ cấu, chức năng của Lục bộ
- B. Ban hành chính sách hạn điền và hạn nô
- C. Tăng cường giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan
- D. Phân chia lại đơn vị hành chính ở cấp địa phương

Câu 5: Trong công cuộc cải cách của vua Minh Mạng, Nội các được thành lập có vai trò nào sau đây?

- A. Giúp vua khởi thảo các văn bản hành chính
- B. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Lục bộ
- C. Phụ trách nhân khẩu, thu thuế trong cả nước
- D. Xương danh những người đỗ trong kì thi Đình

Câu 6: Năm 1832, vua Minh Mạng cho thành lập Đô sát viện để thực hiện nhiệm vụ nào sau đây?

- A. Tiếp nhận và xử lý các loại công văn, giấy tờ

B. Can gián nhà vua và giám sát các cơ quan

- C. Phụ trách nhân khẩu, thu thuế trong cả nước
- D. Phụ trách bang giao, đón tiếp sứ thần nước ngoài

Câu 7. Cuộc cải cách hành chính của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) **không** nhằm mục đích nào sau đây?

- A. Khắc phục tình trạng phân quyền, thiếu thống nhất.
- B. Tăng cường tính thống nhất và tiềm lực của đất nước.
- C. Tập trung quyền lực và hoàn thiện bộ máy nhà nước.
- D. Xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.**

Câu 8. Cuộc cải cách của vua Minh Mạng (nửa đầu thế kỉ XIX) có ý nghĩa quan trọng nào sau đây?

- A. xóa bỏ tình trạng “bế quan tỏa cảng” của đất nước.
- B. ngăn chặn mọi nguy cơ xâm lược từ bên ngoài.
- C. đặt cơ sở cho sự phân chia tỉnh, huyện hiện nay.**
- D. hoàn thành thống nhất đất nước về mặt lãnh thổ.

Bài 12

Câu 1: Biển Đông là vùng biển chung của 9 quốc gia ở châu Á, trong đó có

- A. Trung Quốc** B. Lào C. Ấn Độ D. Nhật Bản

Câu 2. Biển Đông là vùng biển thuộc

- A. Ấn Độ Dương. **B. Thái Bình Dương.** C. Đại Tây Dương. D. Địa Trung Hải.

Câu 3. Hiện nay, quần đảo Trường Sa trực thuộc quyền quản lí hành chính của tỉnh thành nào sau sáp nhập?

- A. thành phố Đà Nẵng. B. tỉnh Kiên Giang.
- C. tỉnh Khánh Hòa.** D. tỉnh Ninh Thuận.

Câu 4: Phía tây nam của biển Đông nối với biển An – đa – man của Ấn Độ Dương thông qua eo biển

- A. La – li – man – tan **B. Ma – lác – ca** C. Lu – đông D. Đài Loan

Câu 5. Tuyến đường vận tải quốc tế qua Biển Đông được coi là nhộn nhịp thứ 2 trên thế giới chỉ sau biển

- A. Địa Trung Hải** B. Hoa Đông. C. Caribê. D. Gia - va.

Câu 6. Eo biển Ma-lác-ca là điểm điều tiết giao thông quan trọng bậc nhất ở châu lục nào sau đây?

- A. Châu Âu. B. Châu Mỹ. C. Châu Phi. **D. Châu Á.**

Câu 7. Biển Đông là một trong những biển lớn và là đường vận chuyển huyết mạch của khu vực

A. châu Á - Thái Bình Dương.

B. Bắc Mỹ và eo biển Đan Mạch.

C. châu Âu và mũi Hảo Vọng.

D. châu Phi và châu Nam Cực.

Câu 8. Biển Đông có ảnh hưởng trực tiếp tới cuộc sống của người dân ở một số nước thuộc khu vực nào sau đây?

A. Châu Phi.

B. Châu Mỹ.

C. Châu Âu.

D. Châu Á

Câu 9. Về vị trí địa lý, biển Đông được coi là cầu nối giữa Thái Bình Dương và

A. Bắc Băng Dương.

B. Ấn Độ Dương.

C. Đại Tây Dương.

D. Địa Trung Hải.

Câu 10: Hiện nay, quần đảo Hoàng Sa trực thuộc quyền quản lý hành chính của của tỉnh thành nào sau sáp nhập?

A. thành phố Đà Nẵng.

B. tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

C. tỉnh Quảng Nam- Đà Nẵng.

D. tỉnh Khánh Hòa

Câu 11. Các cảng biển lớn trên Biển Đông có vai trò nào sau đây?

A. Điểm trung chuyển của tàu thuyền.

B. Nơi khai thác và chế biến dầu khí.

C. Điểm tập trung phát triển du lịch.

D. Nơi giải quyết các vấn đề xã hội.

Câu 12: Nội dung nào sau đây phản ánh đúng sự phong phú về nguồn tài nguyên thiên nhiên của Biển Đông?

A. Biển Đông là điểm điều tiết giao thông đường biển quan trọng nhất châu Á

B. Biển Đông có hàng trăm loài sinh vật, bao gồm cả động vật và thực vật

C. Biển Đông là địa bàn cạnh tranh ảnh hưởng truyền thống của các nước lớn

D. Biển Đông là nơi tập trung các mô hình chính trị, kinh tế xã hội đa dạng

Câu 13. Nội dung nào sau đây thể hiện tầm quan trọng chiến lược của Biển Đông?

A. Là tuyến hàng hải quốc tế nhộn nhịp nhất trên thế giới.

B. Là tuyến hàng hải nối Thái Bình Dương với Bắc Băng Dương

C. Có nguồn tài nguyên thiên nhiên biển phong phú.

D. Là tuyến giao thông hàng hải duy nhất trên biển.

Câu 14. Nguồn tài nguyên khoáng sản đa dạng trên biển Đông là điều kiện thuận lợi để các nước

A. kiểm soát, đảm bảo an ninh giao thông trên biển.

B. xây dựng cơ sở hậu cần, kỹ thuật, phục vụ quân sự.

C. phát triển hoạt động kinh tế có tầm chiến lược.

D. xây dựng các trạm thông tin, trạm dừng chân.

Câu 15. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa thuộc chủ quyền của quốc gia nào sau đây?

A. Trung Quốc.

B. Hàn Quốc.

C. Việt Nam.

D. Nhật Bản.

Câu 16: Tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa được thể hiện

ở nội dung nào sau đây?

- A. Đây là hai quần đảo duy nhất thuộc khu vực Biển Đông
- B. Đây là hai quần đảo lớn nhất thuộc khu vực Biển Đông
- C. Phục vụ tuyến hàng hải huyết mạch trên Biển Đông**
- D. Là nơi tiếp nhiên liệu duy nhất cho các tàu trên biển

Câu 17. Đối với Việt Nam, tầm quan trọng chiến lược của quần đảo Trường Sa và quần đảo Hoàng Sa được thể hiện ở điểm nào sau đây ?

- A. Là tuyến đường duy nhất để Việt Nam xuất khẩu hàng nông sản.
- B. Đảm bảo nguồn an ninh lương thực cho nhân dân Việt Nam.
- C. Có ý nghĩa về chiến lược quốc phòng, an ninh, kinh tế biển.**
- D. Là nền tảng duy nhất để Việt Nam phát triển công nghiệp nặng.

II. Trắc nghiệm đúng- sai:

Câu 1: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Năm 1471, nhằm tăng cường sự kiểm soát chỉ đạo của vua đối với các triều thần, tăng cường tính hiệu lực và hiệu quả của bộ máy quan lại, Lê Thánh Tông đã bãi bỏ một số chức quan đại thần có công nhưng không có học thức, thay vào đó bằng các văn quan được tuyển chọn qua thi cử nhằm hạn chế chia bè, kéo cánh trong triều đình, hạn chế sự thao túng quyền lực của các công thần. Việc ông trực tiếp quản lí các bộ đã hạn chế sự cồng kềnh, quan liêu của bộ máy hành chính”.

(Phan Huy Lê, *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, NXB Giáo dục, Hà Nội, trang 91)

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về một số biện pháp cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, quân sự
- b. Một số quan lại đương chức nhưng không có học thức đã bị Lê Thánh Tông bãi bỏ, thay thế vào đó là những người được tuyển chọn qua hình thức khoa cử
- c. Năm 1471, vua Lê Thánh Tông đã thực hiện một số biện pháp thể hiện sự trọng dụng đặc biệt đối với bộ phận công thần trong triều
- d. Những cải cách của Lê Thánh Tông năm 1471 đã khiến quyền lực được tập trung cao độ vào trong tay nhà vua

a. S b. Đ c. S d. Đ

Câu 2: Đọc đoạn tư liệu sau:

“Bộ luật Hồng Đức là một trong những thành tựu đáng tự hào nhất của sự nghiệp Lê Thánh Tông và của cả thời đại của ông. Sự ra đời của bộ luật Hồng Đức được xem là sự kiện đánh dấu trình độ văn minh cao của xã hội Việt Nam hồi thế kỉ 15. Lê Thánh Tông, người khởi xướng luật Hồng Đức, là người thực hiện nghiêm chỉnh pháp luật đã ban hành.”

(Nhiều tác giả, Danh nhân Đất Việt, NXB Văn học, 2013, tr.26)

- a. Bộ Luật Hồng Đức là thành tựu tiêu biểu dưới thời vua Lê Nhân Tông.
- b. Bộ luật Hồng Đức được UNESCO công nhận là di sản văn hóa phi vật thể nhân loại.
- c. Luật Hồng Đức được dùng để quản lý đất nước, bảo vệ nhân dân, giai cấp thống trị.
- d. Hồng Đức là bộ luật có nhiều điểm tiến bộ nhất trong lịch sử phong kiến Việt Nam

Câu 3: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Ở trong, quân vệ đông đúc thì năm phủ chia nhau năm giữ, việc công bề bộn thì sáu bộ bàn nhau mà làm. Cấm binh coi giữ ba ty để làm vuốt nanh, tim óc. Sáu khoa để xét bác trăm ty, sáu tự để thừa hành mọi việc.... Bên ngoài thì mười ba thừa ty cùng tổng binh coi giữ địa phương.... Tất cả đều liên quan với nhau, ràng buộc lẫn nhau...”

(Lời dụ của Lê Thánh Tông, trích trong: Ngô Sĩ Liên và các sử thần triều Hậu Lê, Đại Việt sử ký toàn thư, Tập 2, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr.453).

- a. Lời dụ trên thể hiện nội dung cải cách của vua Lê Thánh Tông trên lĩnh vực chính trị, cụ thể là tổ chức bộ máy chính quyền
- b. Các cơ quan trung ương được nhắc đến trong lời dụ gồm: sáu bộ, sáu khoa, sáu tự, thừa ty
- c. Tổng binh là một trong những chức vụ quan lại được nhắc đến trong lời dụ của vua Lê Thánh Tông
- d. Theo lời dụ của Lê Thánh Tông, tất cả các cơ quan, chức quan cần làm việc một cách minh bạch, dân chủ, độc lập, tránh ràng buộc nhau

a. Đ b. S c. Đ d. S

Câu 4: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Năm 1802, nhà Nguyễn thành lập với lãnh thổ mới rộng lớn, kéo dài từ ải Nam Quan đến mũi Cà Mau. Thời gian đầu, bộ máy chính quyền về cơ bản tiếp tục kế thừa mô hình nhà Lê trung hưng kết hợp với một số biện pháp tạm thời. Thời Gia Long, triều đình trung ương ở Phú Xuân chỉ trực tiếp kiểm soát 4 dinh và 7 trấn từ Thanh Hóa đến Bình Thuận. Quản lý 11 trấn ở phía bắc là Bắc Thành, quản lý 5 trấn ở phía nam là Gia Định Thành. Đứng đầu Bắc Thành và Gia Định Thành là chức Tổng trấn.

- a. Đoạn trích cung cấp thông tin về tình hình nhà Nguyễn dưới thời vua Gia Long trên các mặt chính trị, kinh tế, xã hội
- b. Bộ máy chính quyền dưới thời vua Gia Long thiếu sự thống nhất và đồng bộ trên phạm vi cả nước.
- c. Dưới thời vua Gia Long, quyền lực của nhà vua và triều đình phong kiến trung ương bị hạn chế.

d. Sự tồn tại của Bắc Thành và Gia Định thành bộc lộ tính phân quyền và tiềm ẩn nhiều nguy cơ lạm quyền ở địa phương.

a. S b. Đ c. Đ d. Đ

Câu 5: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Tháng 9 năm 1832, Minh Mạng lập ra Đô sát viện. Nhiệm vụ của Đô sát viện là giám sát hoạt động của các quan chức trong hệ thống cơ quan hành chính từ trung ương đến địa phương. Đây là một cơ quan hoạt động độc lập, không chịu sự kiểm soát của bất kỳ một cơ quan nào ở triều đình ngoài nhà vua. Các quan chức của Đô sát viện có nhiệm vụ phối hợp với các Giám sát ngự sử 16 đạo để hoạt động kiểm soát và kiểm tra công việc của bộ máy quan lại ở địa phương”

(Nguyễn Cảnh Minh, Đào Tố Uyên, Một số chuyên đề lịch sử cổ trung đại Việt Nam, NXB Đại học Sư phạm, 2009, tr.104)

a. Đô sát viện là một cơ quan chủ chốt của triều đình phong kiến trung ương được vua Minh Mạng thành lập thế kỉ XVIII

b. Đô sát viện là cơ quan chỉ chịu sự kiểm soát và giám sát duy nhất của nhà vua

c. Đô sát viện có nhiệm vụ giám sát các cơ quan, quan lại các cấp từ trung ương đến địa phương

d. Trong việc kiểm tra, giám sát công việc của bộ máy quan lại ở địa phương, Đô sát viện hoạt động độc lập với các Giám sát ngự sử 16 đạo.

Câu 6: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“ Trong thì Nội các ở bên tả, Cơ mật viện ở bên hữu, ngoài thì võ có Ngũ quân Đô thống phủ, vẫn có đường quan Lục bộ: tả hữu có người, trong ngoài giúp nhau. Phàm những việc Lục bộ làm chưa đúng, thì Nội các hạch ra, những việc Nội các làm chưa hợp lẽ thì Cơ mật viện hạch ra, khiến cho ràng rịt nhau mới mong đến được thịnh trị”.

(Lời dụ của Minh Mạng, trích trong: Quốc sử quán triều Nguyễn, Đại Nam thực lục, Tập 3, NXB Giáo dục, Hà Nội, 2004, tr.435)

a. Lời dụ của vua Minh Mạng phản ánh tổ chức bộ máy chính quyền phong kiến ở cấp trung ương và địa phương

b. Nội các, Cơ mật viện, Lục bộ là những cơ quan chủ chốt trực tiếp giúp việc cho vua và chịu trách nhiệm trước nhà vua

c. Vua Minh Mạng rất coi trọng việc kiểm tra, giám sát lẫn nhau giữa các cơ quan chủ chốt trong triều

d. Ngũ quân Đô thống phủ là cơ quan chuyên môn giúp đỡ Lục bộ về tổ chức quân đội, võ bị ở các địa phương

a. S b. Đ c. Đ d. S

Câu 7: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển Đông là nơi cư trú của 12 nghìn loài sinh vật, trong đó có khoảng 2040 loài cá, 350 loài san hô, 662 loài rong biển, 12 loài có vú... Trong khu vực này, tập trung 221 loài cây nước mặn tạo nên diện tích rừng ngập mặn tương đối lớn.

Khu vực thềm lục địa của biển Đông có tiềm năng dầu khí cao như bồn trũng Bru – nây, Nam Côn sơn, Hoàng Sa,...”

(Nguyễn Văn Âu, *Địa lí tự nhiên Biển Đông*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội, 2002, tr.33, 71 – 72)

a. Đoạn trích cung cấp thông tin về sự phong phú của nguồn tài nguyên thiên nhiên ở Biển Đông.

b. Nguồn tài nguyên sinh vật ở Biển Đông rất phong phú đa dạng, nhưng chỉ có động vật mà không có thực vật.

c. Nguồn dầu khí ở Biển Đông chỉ có thể được khai thác ở 3 địa điểm: bồn trũng Bru – nây, Nam Côn sơn, Hoàng Sa.

d. Dầu khí là một trong những nguồn tài nguyên khoáng sản đặc biệt quan trọng ở Biển Đông.

Câu 8: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển Đông là tên do người Việt Nam đặt từ xa xưa cho vùng biển nằm ở phía đông đất nước (Dư địa chí của Nguyễn Trãi năm 1435). Tên tiếng Anh của Biển Đông là South China Sea, do tổ chức Thủy đạc quốc tế đặt theo thông lệ quốc tế dựa vào tên địa danh của một quốc gia ven biển có diện tích lãnh thổ đất liền lớn nhất nhưng tên gọi này không hàm ý về chủ quyền. Người Trung Quốc gọi là Nam Hải, người Phi – lip – pin gọi là Biển Tây”

(*Sách giáo khoa Lịch sử 11*, Bộ chân trời sáng tạo, tr.77)

a. Biển Đông có nhiều tên gọi khác nhau tùy theo cách gọi của từng quốc gia.

b. Tổ chức Thủy đạc quốc tế đặt tên cho Biển Đông là South China Sea (tức là vùng biển phía Nam Trung Quốc) vì Trung Quốc là quốc gia ven Biển Đông có diện tích lớn nhất.

c. Theo tổ chức Thủy đạc quốc tế, Biển Đông là vùng biển thuộc chủ quyền duy nhất của Trung Quốc.

d. Biển Đông là tên do người Việt Nam đặt do vùng biển này nằm ở phía đông đất nước ta, nhưng người Phi – lip – pin lại gọi là Biển Tây vì vùng biển này nằm ở phía tây đất nước Phi – lip – pin.

a. Đ b. Đ c. S d. Đ

Câu 9: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Biển là bộ phận cấu thành chủ quyền thiêng liêng của Tổ quốc, là không gian sinh tồn, cửa ngõ giao lưu quốc tế, gắn bó mật thiết với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Việt Nam phải trở thành quốc gia mạnh về biển, giàu từ biển, phát triển bền vững, thịnh vượng, an ninh và an toàn; phát triển bền vững kinh tế biển gắn liền với đảm bảo quốc phòng, an ninh, giữ vững độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ, tăng cường đối ngoại, hợp tác quốc tế về biển, góp phần duy trì môi trường hòa bình, ổn định cho phát triển. Phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp và người dân Việt Nam”

(Nghị quyết số 36 – NQ/TW ngày 22 - 10 – 2018 về Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045)

a. Nghị quyết số 36 – NQ/TW ngày 22 - 10 – 2018 của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra nhiều bằng chứng khẳng định Hoàng Sa và Trường Sa thuộc chủ quyền của Việt Nam.

b. Quá trình xây dựng và bảo vệ Tổ quốc của Việt Nam hiện nay có sự gắn bó mật thiết với Biển Đông.

c. Trách nhiệm phát triển bền vững kinh tế biển không liên quan đến những người dân sống trong khu vực đất liền.

d. Nhiệm vụ phát triển kinh tế biển với đảm bảo an ninh quốc phòng luôn có sự gắn bó mật thiết, không tách rời nhau.

Câu 10: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

“Quần đảo Hoàng Sa (trực thuộc huyện đảo Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng) bao gồm hai nhóm đảo chính: nhóm phía tây (nhóm Lưỡi Liềm hay Trăng Khuyết) gồm một số đảo như Hoàng Sa, Tri Tôn, Hữu Nhật, Duy Mộng,...; nhóm phía đông (nhóm An Vĩnh) gồm các đảo tương đối lớn như Phú Lâm, Đa Cây, Linh Côn và các bãi ngầm, trong đó lớn nhất là đảo Phú Lâm.

Quần đảo Trường Sa (trực thuộc huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa) được chia thành 8 cụm là Song Tử, Loại Ta, Thị Tứ, Nam Yết, Sinh Tồn, Trường Sa, Thám Hiểm (An Bang) và Bình Nguyên.

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, Bộ cánh diều, tr.81)

a. Đoạn tư liệu cung cấp thông tin về tiềm năng phát triển du lịch của hai quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa.

b. Quần đảo Hoàng Sa và quần đảo Trường Sa lần lượt trực thuộc thành phố Đà Nẵng và tỉnh Khánh Hòa.

c. Đảo Phú Lâm là một trong những đảo lớn nhất thuộc nhóm phía đông của quần đảo Hoàng Sa.

d. Nhóm đảo Loại Ta là 1 trong 8 cụm thuộc quần đảo Trường Sa.

a. S b. Đ c. S d. Đ

Câu 11: Đọc đoạn tư liệu sau đây:

Các nước giáp Biển Đông có sản lượng đánh bắt và nuôi trồng hải sản đứng hàng đầu thế giới như: Trung Quốc, Thái Lan, Việt Nam, In – đô – nê – xi – a và Phi – lip – pin.

Theo tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc (FAO), Biển Đông là vùng biển có sản lượng đánh bắt hải sản hàng đầu thế giới với khoảng 6 triệu tấn, chiếm 10% tổng khối lượng toàn thế giới, riêng sản lượng cá xếp thứ 4/19 thế giới.

(Sách giáo khoa Lịch sử 11, bộ Kết nối tri thức với cuộc sống, tr.76)

a. Những dẫn chứng được đưa ra trong đoạn tư liệu cho thấy Biển Đông có tầm quan trọng chiến lược về kinh tế, chính trị - an ninh với nhiều quốc gia.

b. Theo tổ chức UNESCO, Biển Đông là vùng biển có sản lượng đánh bắt hải sản hàng đầu thế giới.

c. Việt Nam là một trong những quốc gia ven Biển Đông có sản lượng đánh bắt hải sản đứng hàng đầu thế giới

d. Biển Đông là vùng biển có sản lượng đánh bắt hải sản chiếm tỉ lệ gần như tuyệt đối trên toàn thế giới.

a. S b. S c. Đ d. S

III. TỰ LUẬN: BÀI 11,12

TIẾT 52 KIỂM TRA CK2

ĐỀ VÀ ĐÁP ÁN CHUNG KTRA TẬP TRUNG